

Thị trường lao động ở khu vực nông thôn Việt Nam: Luận văn ThS. Kinh tế: 60 31 01 \Nguyễn Gia Thiện ; Nghd. : TS. Đinh Quang Ty

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong chặng đường đầu của quá trình đổi mới 25 năm qua, đất nước ta đã thu được nhiều thành tựu đáng kể. Mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Người lao động với tư cách là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế, xã hội đã được tạo điều kiện thuận lợi hơn để phát huy năng lực của mình, và chủ động tìm kiếm việc làm. Thực hiện chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước và cả xã hội đã và đang nỗ lực tạo nhiều việc làm cho người lao động. Tuy vậy, do tốc độ gia tăng nguồn nhân lực quá cao và do những bất cập về thể chế, chính sách, vẫn còn một bộ phận đáng kể người lao động thiếu hoặc không có việc làm - nhất là lực lượng lao động ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn mới đạt trên 70%. Tình trạng dư thừa lao động, thiếu việc làm ở nông thôn đang là một trong những lực cản chính đối với công cuộc xoá đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, và là nguyên nhân sâu xa làm phát sinh các vấn đề tiêu cực và tệ nạn xã hội. Trong khi đó địa bàn nông thôn là nơi cư trú, sinh sống, làm ăn của một bộ phận lớn lao động và dân cư cả nước. Nông thôn Việt Nam hiện nay chiếm tới 69,83% dân số và 72% lực lượng lao động của cả nước (năm 2010). Do đó, việc nghiên cứu thị trường lao động để tìm ra các giải pháp giải quyết vấn đề việc làm ở khu vực nông thôn Việt Nam là một vấn đề có ý nghĩa rất cấp bách và thiết thực. Từ những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài: “ **Thị trường lao động ở khu vực nông thôn Việt Nam**” làm luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Xung quanh vấn đề thị trường lao động cũng như vấn đề việc làm, trong những năm đổi mới vừa qua, các nhà nghiên cứu nước ta đã có khá nhiều bài viết và công trình được công bố. Ở đây, xin được điểm qua một số công trình có liên quan đến hướng nghiên cứu của đề tài luận văn:

- *"Huy động và sử dụng các nguồn lực trong phát triển kinh tế nông thôn - thực trạng và giải pháp"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2005.

- Hoàng Ngọc Hòa: *"Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2008.

- Lê Quang Phi: *"Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trong thời kỳ mới"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2007.

- *"Một số vấn đề về thị trường lao động"*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2003.

- *"Một số vấn đề phát triển thị trường lao động ở Việt Nam"*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2003.

- *"Một số vấn đề về lao động, việc làm và đời sống người lao động ở Việt Nam hiện nay"*, Nxb Lao động, Hà Nội 2004.

- Nguyễn Sinh: *"Nhìn lại nông nghiệp Việt Nam sau một năm vào Tổ chức Thương mại Thế giới"*, Tạp chí Cộng sản số 3 (2008).

- Phạm Đức Chính: *"Thị trường lao động - cơ sở lý luận và thực tiễn ở Việt Nam"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2005.

- *"Thị trường lao động Việt Nam - thực trạng và các giải pháp phát triển"*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội 2003.

- *"Việc làm ở nông thôn - thực trạng và giải pháp"*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội 2001.

- *"Vấn đề phân bổ và sử dụng nguồn lao động theo vùng và hướng giải quyết việc làm ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay"*, Nxb Thống kê, Hà Nội 2003...

Ngoài ra, còn nhiều bài viết và công trình nghiên cứu khác có bàn đến thị trường lao động và vấn đề việc làm. Tuy

nhiên, việc đi sâu nghiên cứu những vấn đề mới nảy sinh về thị trường lao động giải quyết việc làm ở khu vực nông thôn Việt Nam vẫn rất cần được tiếp tục.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích

Mục đích chính của luận văn là xây dựng hệ thống luận cứ khoa học để từ đó đề xuất phương hướng và các giải pháp cơ bản góp phần phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động ở khu vực nông thôn Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ

Thứ nhất, góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận về thị trường lao động.

Thứ hai, cố gắng tập trung phản ánh thực trạng thị trường lao động và vấn đề việc làm ở khu vực nông thôn Việt Nam trong những năm gần đây.

Thứ ba, đưa ra các quan điểm và các giải pháp cơ bản góp phần thúc đẩy sự phát triển thị trường lao động ở khu vực nông thôn Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu thị trường lao động và vấn đề việc làm ở khu vực nông thôn nước ta, chỉ ra những nét đặc trưng của việc làm ở nông thôn nước ta, qua đó đề xuất một số quan điểm giải quyết việc làm ở nông thôn nước ta giai đoạn 2011 - 2020.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Địa bàn nông thôn nước ta.
- Về thời gian: Tập trung khảo sát từ thời kỳ đất nước đổi mới đến nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở những phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn áp dụng những phương pháp cụ thể phù hợp với đối tượng, mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đã xác định, như logic và lịch sử, thống kê, so sánh, phân

tích, tổng hợp... và kế thừa các kết quả nghiên cứu có liên quan đã được công bố.

6. Một số đóng góp chính của luận văn

Với mục đích và nhiệm vụ đã được xác định, luận văn có một số đóng góp mới:

Một là, góp phần hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường lao động.

Hai là, góp phần làm rõ thực trạng thị trường lao động và vấn đề việc làm ở khu vực nông thôn Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp phát triển thị trường lao động ở địa bàn này trong giai đoạn 2011-2020.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về thị trường lao động.

Chương 2: Vấn đề việc làm nhìn dưới góc độ thị trường lao động ở khu vực nông thôn Việt Nam trong những năm gần đây.

Chương 3: Quan điểm và giải pháp phát triển thị trường lao động ở khu vực nông thôn Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1.1. Sức lao động và hàng hóa sức lao động

1.1.1. Các quan điểm trước Mác về sức lao động và hàng hoá sức lao động

Trước Mác, đã có nhiều nhà kinh tế học bàn đến vấn đề sức lao động và hàng hoá sức lao động:

Một trong những người đầu tiên đề cập đến vai trò của người lao động là nhà kinh tế học cổ điển người Anh W.Petty (1623-1687). W.Petty đưa ra nguyên lý nổi tiếng: Lao động là cha còn đất đai là mẹ của mọi của cải.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của W.Petty, Adam Smith (1723-1790) - nhân vật trung tâm của trường phái Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh, ông cho rằng, không phải vàng bạc mà chính là lao động trong một quốc gia mới là vốn liếng ban đầu và có khả năng tạo ra mọi của cải cần thiết cho đời sống.

D.Ricardo cho rằng *lý luận đó là cơ sở của toàn bộ khoa học kinh tế chính trị*. Xuất phát từ lý luận lao động tạo ra giá trị, ông đã nghiên cứu hầu hết các phạm trù cơ bản của kinh tế chính trị như tư bản, tiền lương, lợi nhuận, địa tô...

Như vậy, công lao quan trọng nhất của Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển là phát hiện ra lý luận giá trị lao động. Các đại biểu của nó đã xác định rằng giá trị của hàng hóa được quyết định bởi lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó. Họ cũng nhận thấy rằng giá trị của hàng hóa cá biệt tỷ lệ nghịch với năng suất lao động. Song, họ không nghiên cứu tính chất của lao động đã tạo ra hàng hóa, không đặt vấn đề là sản phẩm của lao động mang hình thức hàng hóa như thế nào và vì sao lại như vậy, mà chỉ giới hạn ở sự phân tích lượng giá trị... Có thể nói, một trong những hạn chế lớn nhất của họ là ở chỗ đã coi lao động là hàng hóa.

1.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về sức lao động và hàng hoá sức lao động

1.1.2.1. Khái niệm về sức lao động

C.Mác viết: “Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó”.

Trong khái niệm trên, C.Mác đã chỉ rõ sức lao động của con người được cấu thành bởi hai bộ phận: thể chất và tinh thần. Hai bộ phận này thống nhất trong một cơ thể sống. Trong đó sức lao động là yếu tố tiềm năng của mỗi con người, nó phải được biểu hiện ra bên ngoài thông qua quá trình con người tiến hành lao động sản xuất. Như vậy, sức lao động của mỗi con người đang sống chỉ được người khác nhận biết khi nó tham gia sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó. Còn lao động là "quá trình tiêu dùng sức lao động - quá trình diễn ra giữa con người và tự nhiên, một quá trình trong đó, bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ và tự nhiên”.

Lao động là quá trình hoạt động tự giác, hợp lý của con người, nhờ đó, con người làm thay đổi các đối tượng tự nhiên và làm cho chúng thích ứng để thỏa mãn nhu cầu của mình. Lao động là điều kiện đầu tiên và cơ bản của sự tồn tại của con người, của cả xã hội loài người. Nhờ lao động, con người đã tách khỏi thế giới động vật, đã có thể chế ngự lực lượng tự nhiên và bắt chúng phục vụ lợi ích của mình, biết chế tạo công cụ lao động, có thể phát huy khả năng và kiến thức của mình; tất cả những điều đó góp lại đã quyết định sự phát triển tiến bộ hơn nữa của xã hội. Quá trình lao động bao gồm ba yếu tố chủ yếu: 1) hoạt động hợp lý của con người, nghĩa là chính bản thân lao động; 2) đối tượng lao động; 3) tư liệu lao động mà con người dùng để tác động đến đối tượng lao động. Trong quá trình hoạt động lao động để thu được tư liệu sinh hoạt, con người bắt đầu có quan hệ sản xuất giữa họ với nhau. Tính chất của lao động và hình thức kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất phụ thuộc vào phương thức sản xuất chiếm địa vị thống trị. Như vậy, với những nội dung và tính chất như đã trình bày, lao động

không thể là thứ mang ra để mua bán, nói cách khác, lao động không thể là hàng hoá.

1.1.2.2. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá

Trong bất kỳ một hình thái kinh tế - xã hội nào thì sức lao động cũng là điều kiện cơ bản của sản xuất, nhưng chỉ trong những điều kiện lịch sử nhất định thì sức lao động mới trở thành hàng hoá. Những điều kiện đó là:

Thứ nhất: Người lao động phải được tự do về thân thể. Nghĩa là người lao động phải có quyền sở hữu sức lao động của mình và có quyền đem bán nó như một thứ hàng hoá đặc biệt.

Thứ hai: Người lao động có sức lao động nhưng không có tư liệu sản xuất hoặc các của cải khác, do đó để duy trì cuộc sống của mình buộc họ phải đem bán sức lao động của mình cho người chủ sở hữu tư liệu sản xuất.

1.1.2.3. Hai thuộc tính của hàng hoá sức lao động

Cũng như các hàng hoá khác, hàng hoá sức lao động cũng có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng.

Giá trị của hàng hoá sức lao động

- Giá trị những tư liệu sinh hoạt để duy trì cuộc sống của bản thân người lao động. Trong quá trình lao động người lao động phải hao phí một lượng sức lực thần kinh, cơ bắp nhất định... sự hao phí đó cần phải được bù đắp lại để người công nhân tái sản xuất ra sức lao động của mình.

- Giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết cho những người sẽ thay thế: Mỗi người lao động chỉ có thể lao động trong một khoảng thời gian nhất định rồi họ sẽ phải về hưu hay chết. Những sức lao động rút khỏi thị trường sức lao động ấy cần phải được thường xuyên thay thế bằng những sức lao động mới.

- Chi phí đào tạo: Người lao động muốn trở thành một sức lao động và đặc thù thì người đó phải có kiến thức, trình độ học vấn và những kỹ năng kỹ xảo về một ngành nghề nhất định.

- Ngoài ra, giá trị của hàng hoá sức lao động còn bao gồm giá trị của các sản phẩm phục vụ đời sống tinh thần cho người lao động.

Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động

Giá trị sử dụng của sức lao động là tính có ích của sức lao động có thể thoả mãn một nhu cầu nào đó của người mua. Nói cách khác, giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động là ở chỗ trong quá trình lao động, người công nhân có thể tạo ra một giá trị lớn hơn giá trị mà bản thân nó - có nghĩa là có thể đem lại giá trị thặng dư, và đó là điều quan tâm chủ yếu của nhà tư bản.

Giá trị sử dụng của sức lao động "chỉ thực sự được thực hiện, tức là chỉ thật sự tạo ra một giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó khi sức lao động phải được hoạt động trong những điều kiện bình thường". Những điều kiện đó là:

- Đảm bảo tính chất bình thường của những yếu tố vật chất tham gia vào quá trình sản xuất: Tư liệu lao động, nguyên liệu, vật liệu đạt trình độ phổ biến bình thường của xã hội.

- Bản thân sức lao động cũng phải là một sức lao động bình thường, nghĩa là trong ngành chuyên môn mà sức lao động ấy được sử dụng thì sức lao động ấy phải đạt một trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định. Và vì vậy, để nâng cao giá trị sử dụng của sức lao động, người công nhân cần phải được đào tạo nâng cao tay nghề thường xuyên.

- Nguyên liệu và tư liệu lao động phải được tiêu dùng một cách hợp lý. Nếu bị tiêu phí một cách bất hợp lý thì chúng sẽ không được tính đến và không tham gia vào việc hình thành giá trị sản phẩm.

1.1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức lao động

Các yếu tố ảnh hưởng đến số lượng sức lao động

- Dân số và tỷ lệ gia tăng dân số: Đây là yếu tố cơ bản quyết định số lượng sức lao động.

- Tỷ lệ tham gia của người lao động: Tỷ lệ tham gia của người lao động là số phần trăm của dân số trong độ tuổi lao động tham gia lực lượng lao động trong tổng số nguồn nhân lực.

- Thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp:

Người thất nghiệp là người trong độ tuổi lao động, trong lực lượng lao động hiện đang chưa có việc làm nhưng mong muốn và đang tìm kiếm việc làm.

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sức lao động

- Giáo dục đào tạo: Giáo dục được coi là yếu tố quan trọng nhất cho sự phát triển tiềm năng con người.

- Y tế: Sức khỏe là yếu tố cơ bản cấu thành nên sức lao động. Người có sức khỏe tốt thì sẽ có một sức lao động tốt và sẽ có khả năng lao động tốt, tạo ra một năng suất lao động cao.

- Điều kiện làm việc: Điều kiện làm việc tốt, thuận lợi cho người lao động làm việc sẽ góp phần phát huy hết năng lực làm việc của người lao động, và do đó hiệu quả công việc sẽ cao hơn.

1.1.3. Quan điểm của các nhà kinh tế học tư sản về sức lao động và hàng hoá sức lao động

Theo quan điểm của một số nhà kinh tế học tư sản hiện đại thì sức lao động được coi là một trong những yếu tố đầu vào của hoạt động kinh tế, là nhân tố có ảnh hưởng quyết định đến việc sử dụng các nguồn lực khác. Chẳng hạn, nhà kinh tế học hiện đại người Anh David Beng khẳng định vai trò của lao động như là một nguồn lực của quá trình sản xuất. Vốn nhân lực là kết quả của đầu tư trong quá khứ với mục đích tạo ra thu nhập trong tương lai.

1.2. Thị trường lao động

1.2.1. Những quan niệm khác nhau về thị trường lao động

1.2.1.1. Các ý kiến xung quanh vấn đề "Thị trường lao động" và "Thị trường sức lao động"

Khi nghiên cứu về thị trường lao động, chúng ta thường gặp hai thuật ngữ "Thị trường lao động" và "Thị trường sức lao động". Một số nhà nghiên cứu sử dụng thuật ngữ "*Thị trường lao động*", nhưng một số nhà nghiên cứu khác lại sử dụng thuật ngữ "*Thị trường sức lao động*". Các nhà kinh tế sử dụng một trong hai thuật ngữ trên vì còn có sự khác nhau trong quan niệm về thực chất của loại thị trường này.

- Theo suy nghĩ của tác giả luận văn này, gọi là "*Thị trường lao động*" hay "*Thị trường sức lao động*" chỉ đơn giản khác nhau về vấn đề quan niệm học thuật. Tác giả luận văn ủng hộ cách gọi là "*Thị trường lao động*". Cách gọi này phù hợp với bối cảnh tăng cường mở rộng hợp tác giao lưu về mọi mặt giữa nước ta và các nước trên thế giới.

1.2.1.2. Khái niệm thị trường lao động

Thị trường lao động là một trong những thị trường quan trọng và cơ bản của nền kinh tế thị trường. Phát triển thị trường lao động là một tất yếu khách quan nhằm phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực theo cung-cầu và giá cả lao động của thị trường, thu hút đầu tư, tạo động lực nâng cao năng suất lao động xã hội, tạo nhiều việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

*Chúng ta có thể tóm lược nội dung của các khái niệm trên thành một **khái niệm tương đối về thị trường lao động**, như sau:*

Thị trường lao động là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động, thông qua các hình thức thoả thuận về tiền công hay tiền lương và các điều kiện làm việc khác, trên cơ sở một hợp đồng lao động bằng văn bản, bằng miệng, hoặc thông qua các dạng hợp đồng hay thoả thuận khác.

1.2.1.3. Bản chất của thị trường lao động

Quan niệm 1: *Đối tượng mua bán của thị trường lao động là lao động.* Với quan niệm này thì lao động được coi là hàng hoá: nó có giá cả, giá trị và giá trị sử dụng. Nếu nói lao động là hàng hoá thì nó phải có trước, phải được vật hoá trong một hình thức cụ thể nào đó. Mà tiền đề để lao động có thể vật hoá được là phải có tư liệu sản xuất. Nếu người lao động có tư liệu sản xuất thì họ sẽ bán hàng hoá do mình sản xuất ra chứ không bán "lao động".

Quan niệm 2: Quan niệm của các nhà kinh tế học theo C.Mác: *Đối tượng được mua, bán trên thị trường lao động là sức lao động.* Nghĩa là sức lao động là hàng hoá có giá trị và giá trị sử dụng và nó có giá cả. Giá trị của sức lao động được xác định bằng giá trị của những tư liệu sinh hoạt để nuôi sống người lao động, còn giá trị sử dụng của chúng là tính có ích của sức lao động trong việc tạo ra giá trị và giá trị mới. Biểu hiện ra bên ngoài của giá trị sức lao động là giá cả hay chính là tiền công mà người mua trả cho người bán khi đã thoả thuận xong hợp đồng lao động. Khi mua và bán, giá trị của hàng hoá được thanh toán còn giá trị sử dụng được trưng tập, mặt hàng đó được chuyển cho người mua.

Như vậy đối tượng mua bán trên thị trường lao động là sức lao động chứ không phải lao động. Chỉ có sức lao động mới là đối tượng được mua bán trên thị trường.

1.2.1.4. Điều kiện hình thành thị trường lao động

Thị trường lao động chỉ có thể hình thành và phát triển ở mỗi quốc gia khi ở quốc gia đó đảm bảo được các điều kiện sau:

- Có nền kinh tế hàng hoá phát triển theo cơ chế thị trường.
- Có các điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá.
- Có định chế pháp luật cho phép tồn tại thị trường lao động, trong đó người chủ sở hữu tư liệu sản xuất có quyền tự do mua sức lao động, còn người lao động có quyền sở hữu sức lao động của mình, có quyền đem bán sức lao động của mình như một hàng hoá.
- Có hệ thống thể chế thị trường lao động thích hợp để giải quyết các nhu cầu và quan hệ phát sinh trên thị trường này như: Hệ thống các cơ quan, tổ chức dịch vụ việc làm, hệ thống thông tin về thị trường lao động, các trường dạy nghề cho người lao động...

1.2.1.5. Đặc điểm của thị trường lao động

Hàng hoá trao đổi trên thị trường lao động là loại hàng đặc biệt. Trên thị trường lao động, hàng hoá được đem ra trao đổi là sức lao động. Đây là loại hàng hoá đặc biệt. Tính đặc biệt của loại hàng hoá này được thể hiện qua những đặc điểm sau:

+ Khác với các loại hàng hoá thông thường, hàng hoá sức lao động luôn gắn chặt với chủ thể mang nó. Xét cả về mặt số lượng và chất lượng, hàng hoá sức lao động phụ thuộc trực tiếp và hoàn toàn vào bản thân người mang hàng hoá này.

+ Dù hàng hoá sức lao động đã được mang ra thị trường trao đổi hay chưa thì nó vẫn đòi hỏi được cung cấp những điều kiện vật chất và tinh thần nhất định để tồn tại và phát triển.

+ Xét về mặt giá trị và giá trị sử dụng thì hàng hoá sức lao động cũng có điểm khác biệt so với các hàng hoá thông thường.

Tính đa dạng của thị trường lao động:

Trên thực tế có nhiều dạng thị trường lao động khác nhau tùy thuộc vào các tiêu chí được dùng để phân loại. Xét từ góc độ pháp lý có

thị trường lao động hợp pháp và thị trường lao động bất hợp pháp; dưới góc độ quản lý có thị trường lao động tự do và thị trường lao động có sự kiểm soát của nhà nước; dưới góc độ hình thức tổ chức, có thị trường lao động tập trung và thị trường lao động phi tập trung. Tuy nhiên, có hai tiêu chí thường được sử dụng nhất đó là dựa trên trình độ, khả năng của người lao động và dựa vào phạm vi địa lý.

1.2.2. Các yếu tố cấu thành thị trường lao động

1.2.2.1. Cung về lao động

*** Khái niệm “Cung về lao động”**

Cung về lao động là tổng nguồn lao động do người lao động tự nguyện đem ra tham dự vào quá trình sản xuất xã hội, tức là tổng số nhân khẩu trong độ tuổi lao động có năng lực lao động cùng tổng số nhân khẩu không nằm trong độ tuổi lao động nhưng trong thực tế đang chính thức tham gia vào quá trình sản xuất xã hội.

*** Các nhân tố ảnh hưởng đến cung lao động**

- Yếu tố dân số:
- Các yếu tố kinh tế, xã hội và văn hoá:

1.2.2.2. Cầu về lao động

*** Khái niệm “Cầu về lao động”**

Cầu về lao động là nhu cầu về lao động của một quốc gia, một địa phương, một ngành hay một doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.

*** Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động**

- Cơ cấu kinh tế:
- Tăng trưởng kinh tế:
- Mức tiền công lao động.
- Phân phối thu nhập và các hình thức tiêu dùng:

1.2.2.3. Mức tiền công lao động

Trên thị trường lao động mức tiền công của lao động được chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, đặc biệt là quy luật cung - cầu về lao động. Khi cung lao động vượt quá cầu lao động, giá cả sức lao động sẽ thấp hơn giá trị sức lao động; ngược lại, khi cung lao động thấp hơn cầu lao động, giá cả sức lao động sẽ tăng lên.

1.2.2.4. Thị trường lao động

Thị trường lao động là một sân chơi bình đẳng mà ở đó có nhiều chủ thể tham gia với các vai trò khác nhau: Nhà nước, người sử dụng lao động, người lao động, nhà cung cấp các dịch vụ việc làm, các đối tác xã hội khác. Các chủ thể tham gia thị trường lao động có vai trò khác nhau nhưng giữa chúng lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhất là hình thành cơ chế ba bên trong xử lý các quan hệ lao động, đảm bảo hài hoà quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích các bên vì mục tiêu phát triển chung.

*** Vai trò của Nhà nước trong phát triển thị trường lao động**

*** Vai trò của người sử dụng lao động**

*** Vai trò của người lao động**

*** Vai trò của nhà cung cấp dịch vụ việc làm**

1.3. Kinh nghiệm phát triển thị trường lao động của một số nước và những vấn đề rút ra có thể tham khảo cho Việt Nam

1.3.1. Về kinh nghiệm của một số nước

1.3.1.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

1.3.1.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

1.3.1.3. Kinh nghiệm của Singapore

1.3.1.4. Kinh nghiệm của Malayxia

1.3.2. Những vấn đề rút ra có thể tham khảo cho Việt Nam

Trên cơ sở khảo sát kinh nghiệm phát triển thị trường lao động của một số nước trong khu vực châu Á, chúng ta có thể rút ra một số bài học có giá trị cho việc tham khảo ở Việt Nam. Cụ thể có thể khái quát thành những nội dung sau:

- **Thứ nhất**, cần có những đột phá về tư duy và hoạch định cơ chế chính sách cho phù hợp.

- **Thứ hai**, cần phát huy dân chủ ở nông thôn trong quá trình phát triển.

- **Thứ ba**, phát triển chuỗi liên kết tương hỗ thành thị - nông thôn, công nghiệp - nông nghiệp.

- **Thứ tư**, Nâng cao năng lực sản xuất ở nông thôn.

- **Thứ năm**, duy trì sự bền vững kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái ở nông thôn.

Chương 2

VẤN ĐỀ VIỆC LÀM NHÌN DƯỚI GÓC ĐỘ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG Ở KHU VỰC NÔNG THÔN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

2.1. Một số khía cạnh về sự thay đổi nhận thức và quan hệ luật pháp

2.1.1. Sự thay đổi nhận thức về vấn đề việc làm và thất nghiệp

Trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường, quan niệm của người Việt Nam về vấn đề việc làm và thất nghiệp từng bước được đổi mới, tiến sát dần cách quan niệm hợp lý, theo những tiêu chí chung của thế giới.

Đặc biệt, *xét dưới góc độ luật pháp, quan niệm chính thống (của Nhà nước) về vấn đề việc làm cũng đã được thay đổi.*

Bên cạnh đó, *cách thức phân loại việc làm ở Việt Nam hiện nay, về cơ bản, cũng đã được thực hiện theo các quy định của Tổ chức Lao động Quốc tế.*

Quan niệm về thất nghiệp và thiếu việc làm ở Việt Nam hiện nay cũng có sự thay đổi rõ rệt.

2.1.2. Đặc điểm của lao động, việc làm ở khu vực nông thôn Việt Nam

2.1.2.1. Đặc điểm chung về lao động, việc làm ở khu vực nông thôn

2.1.2.2. Cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn phân theo độ tuổi

2.1.2.3. Cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn phân theo trình độ chuyên môn

2.1.2.4. Cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn phân theo hoạt động kinh tế

2.2. Thực trạng vấn đề việc làm ở khu vực nông thôn

2.2.1. Cung về lao động

2.2.1.1. Về số lượng dân số và nguồn lao động

** Dân số và lực lượng lao động*

** Tỷ lệ tham gia vào lực lượng lao động*

2.2.1.2. Về chất lượng dân số và nguồn lao động

** Trình độ học vấn của người lao động*

** Trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động*

** Tình trạng kỷ luật lao động của lao động nông thôn*

2.2.2. Cầu về lao động

** Cầu về lao động trong ngành nông nghiệp ở nông thôn:*

** Cầu về lao động trong hoạt động kinh doanh công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn*

** Cầu về lao động ở các làng nghề truyền thống ở nông thôn*

2.2.3. Tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn

Tình trạng thiếu việc làm hay còn gọi là thất nghiệp bộ phận là đặc trưng phổ biến của lao động nông thôn. Theo số liệu báo cáo điều tra lao động và việc làm Việt Nam năm 2010 của Tổng cục Thống kê, tổng số lao động nông thôn là 36.606,2 triệu người chiếm 72% lực lượng lao động cả nước, trong đó thường xuyên tồn tại một lực lượng lao động thiếu việc làm, phổ biến là thiếu việc làm mang tính thời vụ. Năm 2010, tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động của khu vực nông thôn ở mức 4,26%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động nông thôn cao gấp hơn 2,3 lần khu vực thành thị, trong khi có sự chênh lệch không đáng kể về mức độ thiếu việc làm giữa nam và nữ ở khu vực nông thôn của các vùng kinh tế - xã hội. Trên địa bàn nông thôn cả nước hiện có 6 đến 7 triệu lao động dư thừa không có việc làm thường xuyên, trong đó có trên 50% chỉ có việc làm từ 3 tháng đến 4 tháng trong năm. Tỷ lệ thời gian làm việc được sử dụng của lao động ở nông thôn khá thấp chỉ khoảng trên dưới 75%. Vào thời kỳ nông nhàn, một bộ phận lao động nông thôn thường di chuyển đến các địa phương khác nhất là các thành phố lớn để tìm kiếm thêm việc làm nhằm mục đích tăng thu nhập. Những năm gần đây, tình trạng lao động nông nhàn trở thành vấn đề xã hội nổi cộm vì đó là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng di chuyển lao động nông thôn mang tính thời vụ để tìm kiếm việc làm và tăng thêm thu nhập. Đặc biệt trong điều kiện gia tăng tình trạng thiếu việc làm trong toàn bộ nền kinh tế thì vấn đề lao động nông nhàn ở nông thôn càng trở nên bức bách. Đó là nguồn bổ sung đáng lo ngại vào lực lượng lao động thiếu việc làm nói chung và làm tăng thêm dòng người di dân, di chuyển lao động từ vùng này đến vùng khác, từ nông thôn ra thành thị.

2.2.4. Mức tiền công và thu nhập của lao động nông thôn

Mức tiền công và thu nhập của lao động nông thôn tăng đều qua các năm từ 1999 đến 2010. Tuy vậy, mức tăng còn thấp và có sự chênh lệch lớn giữa thành thị và nông thôn. Tiền công và thu nhập của lao động nông thôn thấp hơn của lao động ở thành thị rất nhiều, luôn luôn thấp hơn khoảng 50% so với khu vực thành thị. Điều này dẫn đến hậu quả là mức sống của lao động nông thôn thấp hơn nhiều so với thành thị. Đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người một tháng của lao động khu vực thành thị là 2130 nghìn đồng/người/tháng, thì thu nhập bình quân đầu người một tháng ở nông thôn mới là 1071 nghìn đồng./người/tháng. Vùng có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng thấp nhất tính đến 2010 là vùng Trung du và miền núi phía Bắc (905 nghìn đồng/người/tháng); cao nhất là vùng Đông Nam Bộ: 2304 nghìn đồng/người/tháng.

2.2.5. Những vấn đề đặt ra

Qua phân tích thực trạng của thị trường lao động ở nông thôn chúng ta nhận thấy có những vấn đề cần quan tâm giải quyết để tạo điều kiện phát triển thị trường

lao động ở nông thôn là:

- Tốc độ tăng nguồn lao động còn ở mức cao, trong giai đoạn 2001-2020 dự báo bình quân mỗi năm tăng khoảng 2,75%. Trong khi các điều kiện về kinh tế còn yếu kém thì tốc độ tăng nguồn lao động như vậy sẽ tạo ra sức ép lớn về việc làm.

- Trình độ văn hoá của người lao động nông thôn còn thấp so với yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

- Tỷ lệ thời gian nhàn rỗi của lao động nông thôn còn quá cao nhưng nhiều nơi vẫn không tuyển đủ lao động có chuyên môn kỹ thuật.

- Lao động ở nông thôn vẫn còn chiếm tuyệt đại đa số về mặt số lượng trong nguồn lực lao động, tốc độ gia tăng dân số tự nhiên ở nông thôn lại nhanh hơn so với khu vực công nghiệp và thành thị.

- Chất lượng nguồn lao động nông thôn thấp hơn nhiều so với các vùng đô thị, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo cao.

- Phần lớn người lao động ở khu vực nông thôn còn mang nặng tác phong của người sản xuất nhỏ nên tính tổ chức, tinh thần kỷ luật yếu kém, chưa có tác phong công nghiệp, do đó năng suất lao động chưa cao và khả năng cạnh tranh trên thị trường sức lao động kém.

- Khả năng thu hút lao động của các hoạt động phi nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn còn thấp.

- Công tác thông tin về lao động, việc làm chưa kịp thời và chưa chi tiết cho người lao động, chưa huy động hết khả năng cho xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm.

- Kết cấu hạ tầng ở nông thôn như hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống đê biển, hệ thống cung cấp nước sạch, công trình ngăn, xả lũ... còn thiếu đồng bộ, chưa được quan tâm đầu tư thích đáng.

- Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội chưa tạo ra được sự phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn. Khoảng cách về phát triển kinh tế - xã hội giữa đô thị và nông thôn còn lớn và có chiều hướng ngày càng gia tăng.

- Các hoạt động dịch vụ, công nghiệp chế biến phục vụ cho phát triển nông nghiệp ở nông thôn còn chưa phát triển gây không ít khó khăn cho sản xuất và lưu thông nông sản hàng hóa.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG Ở KHU VỰC NÔNG THÔN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

3.1. Quan điểm

3.1.1. Phát triển thị trường lao động dựa trên cơ sở quán triệt một cách đúng đắn và nhất quán các quan điểm chủ trương và chính sách có liên quan của Đảng và Nhà nước

Các giải pháp về phát triển thị trường lao động phải được xây dựng trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước như: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

3.1.2. Phát triển thị trường lao động phải kết hợp giữa hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội

Phát triển thị trường lao động phải được gắn kết chặt chẽ với tăng trưởng phát triển kinh tế và xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đảm bảo công bằng xã hội. Nâng cao năng lực giám sát, quản lý điều tiết của Nhà nước đối với thị trường lao động một mặt sẽ góp phần phát huy các thế mạnh của thị trường, phân bổ hợp lý nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả kinh tế của thị trường này, mặt khác sẽ hạn chế được những ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường đối với người lao động, nhất là đối với các nhóm người yếu thế trên thị trường lao động.

Phát triển thị trường lao động phải theo hướng tạo điều kiện thuận lợi, tạo sự bình đẳng cho các công dân và tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường lao động, kể cả thị trường lao động ở nước ngoài, hình thành các điều kiện cần thiết góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

3.1.3. Cần giải phóng triệt để mọi nguồn lực về đất đai, lao động, nguồn vốn để tạo việc làm cho người lao động nói chung và việc làm cho lao động nông thôn nói riêng

Theo quan điểm đó Nhà nước sẽ tạo môi trường và các điều kiện thuận lợi để người lao động được tự do làm ăn, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác theo đúng pháp luật, phát huy cao nhất nhân tố con người với khả năng sáng tạo của người lao động.

Để tạo ra nhiều việc làm cho lực lượng lao động nông thôn phải khuyến khích được sự tham gia tích cực của đông đảo quần chúng lao động ở tại nông thôn, phát huy tối đa sự năng động, tự chủ, sáng tạo và tự tin vào bản thân của từng hộ gia đình, từng cộng đồng dựa trên cơ sở những tiềm năng sẵn có. Giải quyết việc làm ở nông thôn trong những năm tới vẫn chủ yếu phải dựa vào sự năng động sáng tạo của kinh tế hộ gia đình ở nông thôn, cộng với sự hỗ trợ, giúp đỡ có hiệu quả của Nhà nước về các yếu tố tạo môi trường cho sản xuất phát triển, cơ hội việc làm được mở ra. Từng bước hình thành và phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp (Hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân ở nông thôn) để thu hút thêm lao động.

3.1.4. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm là chính

Theo quan điểm này, Nhà nước cần thực hiện tốt một số công việc sau:

- Tạo lập khuôn pháp lý đối với các hoạt động kinh doanh ở nông thôn, nhất là khung pháp lý về đảm bảo an toàn vốn vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của những người có vốn; có chính sách khuyến khích và kêu gọi đầu tư vào khu vực nông thôn; xây dựng chính sách kinh tế để điều chỉnh các dòng di chuyển lao động nông thôn một cách hợp lý.

- Hỗ trợ các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn tạo việc làm mới thông qua các dự án có mục tiêu, đối tượng cụ thể với mức kinh phí ban đầu cùng kỹ thuật phù hợp với trình độ dân trí của từng cộng đồng nông dân.

- Nhà nước trực tiếp bỏ vốn đầu tư ở một số địa phương đặc biệt khó khăn; hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng bỏ vốn đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nông thôn đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ.

- Đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn ở cả các ngành nghề đã có như: gia công may mặc, thủ công mỹ nghệ, cơ khí và cả các ngành nghề mới .

3.2. Các giải pháp chủ yếu phát triển thị trường lao động ở khu vực nông thôn Việt Nam

3.2.1. Các giải pháp chung

3.2.1.1. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về thị trường lao động

3.2.1.2. Hoàn thiện bộ máy quản lý và vận hành có hiệu quả thị trường lao động

3.2.1.3. Xây dựng chiến lược lâu dài về tạo việc làm cho lao động nông thôn gắn với chiến lược con người của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

3.2.1.4. Cả hệ thống chính trị phải vào cuộc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

3.2.2. Các giải pháp về cung lao động

3.2.2.1. Hạ thấp tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số làm giảm dần tốc độ tăng nguồn lao động và góp phần nâng cao chất lượng dân số, nguồn lao động

3.2.2.2. Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn lao động

3.2.2.3. Tăng cường sức khoẻ, sức làm việc của lao động nông thôn

3.2.2.4. Tăng cường các biện pháp hành chính, kinh tế và giáo dục, động viên để nâng cao đạo đức, thái độ lao động mới

3.2.3. Các giải pháp về cầu lao động

3.2.3.1. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, phát triển mạnh kinh tế hộ gia đình và kinh tế trang trại ở nông thôn

3.2.3.2. Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn

3.2.3.3. Khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề mới ở nông thôn

3.2.3.4. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động

3.2.3.5. Phát triển hệ thống thông tin, thống kê thị trường lao động

3.2.3.6. Tạo việc làm cho nông dân bị thu hồi đất

KẾT LUẬN

Từ khi chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Nền kinh tế tăng trưởng liên tục với tốc độ cao, ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, quốc phòng an ninh được giữ vững, bộ mặt của xã hội thay đổi từng ngày từng giờ theo hướng tiến bộ, quan hệ kinh tế, chính trị với các nước trên thế giới không ngừng được củng cố và mở rộng, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên một tầm cao mới. Đóng góp vào những thành công đó phải kể đến vai trò của thị trường, trong đó quan trọng hơn cả là thị trường lao động. Thị trường là yếu tố quyết định trong nền kinh tế thị trường. Đặc biệt thị trường lao động được coi là một đầu tàu kéo các loại thị trường khác phát triển. Thị trường lao động có phát triển vững mạnh thì nguồn lực con người với tư cách là một nguồn lực quan trọng nhất của sự tăng trưởng và phát triển kinh tế mới được sử dụng và phân bổ hợp lý vào trong những vùng, những ngành và những lĩnh vực sản xuất của nền kinh tế. Thị trường lao động càng có ý nghĩa to lớn hơn đối với khu vực nông thôn vì nông thôn Việt Nam là nơi cư trú của 69,83% dân số và 72% lực lượng lao động của cả nước (năm 2010). Địa bàn nông thôn giữ vị trí quan trọng không chỉ về kinh tế - xã hội mà cả về an ninh quốc phòng. Với ý nghĩa đó việc phát triển thị trường lao động góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn là một việc làm cấp bách và cơ bản.

Sự trình bày một cách có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển thị trường lao động chỉ ra rằng thị trường lao động là một thể thống nhất, biểu hiện cụ thể là các dịch vụ lao động, việc làm được trả công trên cơ sở các quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động, trong đó Nhà nước đóng vai trò điều tiết tích cực. Thị trường lao động bao gồm các yếu tố cấu thành liên quan đến nhau chặt chẽ đó là: Cung, cầu, giá cả, thể chế của thị trường lao động. Việc tách ra nghiên cứu từng yếu tố cho phép thấy được bản chất, tính quy luật vận động của nó, thông qua đó có các giải pháp thích hợp.

Thực trạng của thị trường lao động và vai trò của nó trong việc giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nông thôn được đánh giá qua các đặc điểm chủ yếu sau:

- + Nguồn lao động đông đảo ở nông thôn cùng với tốc độ gia tăng nhanh do sức ép của dân số đã, đang và sẽ tạo nên cung lao động lớn hơn cầu về lao động.

- + Cơ cấu lao động cả nước nói chung và của khu vực nông thôn nói riêng còn lạc hậu, đang có xu hướng chuyển dịch tích cực nhưng còn chậm.

- + Việc làm còn thiếu, cơ cấu việc làm chuyển dịch chậm do cầu lao động đang lớn hơn cung lao động.

- + Tỷ lệ thời gian làm việc được sử dụng của lao động nông thôn thấp, đang có xu hướng tăng dần nhưng tốc độ tăng chậm.

- + Tiền công, thu nhập của lao động nông thôn còn thấp, đang có xu hướng tăng, có sự khác biệt rõ nét giữa các vùng.

- + Thể chế thị trường lao động đang được hoàn thiện, hệ thống chính sách đang được xây dựng tương đối toàn diện, đồng bộ song vẫn còn nhiều bất cập.

Trong những năm qua thị trường lao động ở nước ta đang dần được hình thành và bước đầu có những đóng góp quan trọng trong việc giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lực lượng lao động đông đảo ở nông thôn. Tuy vậy thị trường lao động của nước ta vẫn chưa phát huy hết vai trò và tác dụng của mình đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Giải quyết việc làm cho lao động ở khu vực nông thôn trong thời gian tới đòi hỏi phải tiến hành quyết liệt hơn với việc thực hiện đồng bộ những giải pháp gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội. Đó là kết hợp các giải pháp về: đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế thông qua việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư có hiệu quả; lựa chọn mô hình kinh tế phù hợp cho địa bàn nông thôn với từng nhóm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, ngành công nghiệp và xây dựng, ngành dịch vụ. Các nhóm giải pháp tạo nguồn việc làm cho người lao động thông qua các giải pháp phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ ở khu vực nông thôn; các giải pháp về phát triển trang trại, phát triển làng

nghề truyền thống, khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu lao động... Và quan trọng hơn nữa là những giải pháp về tạo năng lực để tiếp cận cơ hội việc làm trên cơ sở đào tạo nâng cao chất lượng nguồn lao động và hoàn thiện môi trường thể chế để phát triển thị trường lao động trong thời gian tới.

Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu do trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế nên trong luận văn chưa trình bày được một cách thật toàn diện và đầy đủ về thực trạng, tình hình phát triển của thị trường lao động cũng như vấn đề giải quyết việc làm ở nông thôn nước ta. Trong luận văn không tránh khỏi có những sai sót, vì vậy tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo cùng toàn thể bạn đọc.